

# BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

T6.2021



ELECTRICAL SAFETY  
GUARD

## CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN TRUNG TÍN

CƠ SỞ 1: SỐ 51, NGÕ 565, Đ. BÁT KHÔI, P. CỤ KHÔI, Q. LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI

CƠ SỞ 2: SỐ 7, NGÕ 59, PHỐ LÊ GIA ĐỊNH, QUẬN HAI BÀ TRUNG, TP. HÀ NỘI

Liên hệ Mr Trung: 0984.041.568

Ms Thanh: 0917.124.169

Mr Hoàng: 0869.885.717

Ms phương: 0844.745.222



### Authorized Distributor Certificate

The certificate is issued to HUYU authorized distributor to deal with the specified product range in the designated territory

Issuer	Huanyu Group Zhejiang High Tech Co.,Ltd.
Authorized Distributor	Dat Phuc Electric Co., Ltd.
Scope of Products Range	HUYU Low Voltage Electric Products
Territory	Whole Vietnam
Date of Issue	July.31th,2020
Date of Expiration	July.31th,2021

Huanyu Group Zhejiang High Tech Co.,Ltd.

Vice President



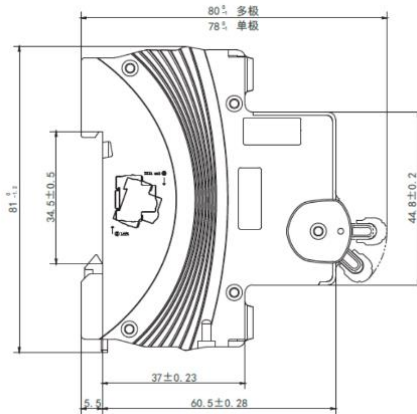
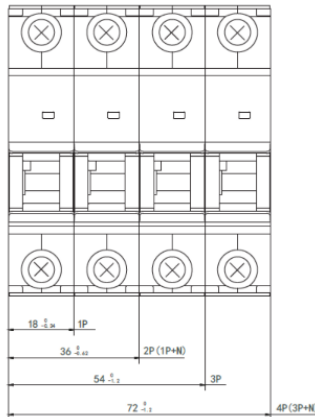
# MCB loại DZ47N-63



Tiêu chuẩn: IEC60898-1  
 Dải dòng định mức: 6A ÷ 63A  
 Điện áp định mức: 230/400V  
 Số pha: 1P, 2P, 3P, 4P  
 Icu/Ics: 6000A/6000A



MCB 1-63A - IEC/EN60898-1					
DZ47N-63		Đơn giá			
Idm (A)	Icu (A)	1P	2P	3P	4P
6,10,16,20,25,32	6,000	36,000	70,000	104,000	
40,50,63		42,000	82,000	122,000	



IEC CB SCHEME  
 Ref. Certif. No. CN49692

IEC SYSTEM FOR MUTUAL RECOGNITION OF TEST CERTIFICATES FOR ELECTRICAL EQUIPMENT (IECEE) CB SCHEME

**CB TEST CERTIFICATE**

Product: Miniature Circuit Breaker

Name and address of the applicant: Huayu Group Zhejiang High Tech Co., Ltd. Wenzhou Bridge Industrial Zone, Yueqing, Zhejiang Province, P.R. China

Name and address of the manufacturer: Huayu Group Zhejiang High Tech Co., Ltd. Wenzhou Bridge Industrial Zone, Yueqing, Zhejiang Province, P.R. China

Name and address of the factory: Huayu Group Zhejiang High Tech Co., Ltd. Wenzhou Bridge Industrial Zone, Yueqing City, Zhejiang Province, P.R. China

Model / Type Ref.: DZ47N-63, DZ47N-63H, DZ47N-63L, DZ47N-63S, DZ47N-63R, DZ47N-63H, DZ47N-63L, DZ47N-63S, DZ47N-63R

Additional information (if necessary may also be reported on page 2): IEC 60898-1:2002 (1st Edition) + AMD 1:2002 + AMD 2:2003

A sample of the product was tested and found to be in conformity with: IEC 60898-1:2002 (1st Edition) + AMD 1:2002 + AMD 2:2003

This CB Test Certificate is issued by the National Certification Body

CHINA QUALITY CERTIFICATION CENTRE  
 Section 9, No. 188 Nanshan Xilu, Beijing 100070 P. R. China  
 Tel: +86-10-63896666 Fax: +86-10-63896292 website: http://www.cqc.com.cn

Date: Mar. 13, 2020  
 Signature: Lu Mei

CB 0050038

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

IEC CB SCHEME  
 Test Report issued under the responsibility of: CQC

**TEST REPORT**  
 IEC 60898-1  
 Circuit-breakers for over current protection for household and similar installations  
 Part 1 - Circuit-breakers for a.c. operation

Report Number: 03601-A-19CB01145-01  
 Date of issue: 2020-03-13  
 Total number of pages: 166

Applicant's name: Huayu Group Zhejiang High Tech Co., Ltd.  
 Address: Wenzhou Bridge Industrial Zone, Yueqing City, Zhejiang Province, P.R. China

Test specification:  
 Standard: IEC 60898-1:2002 (First Edition) + A1:2002 + A2:2003  
 Test procedure: CB Scheme  
 Non-standard test method: N/A  
 Test Report Form No.: IEC60898\_1C  
 Test Report Form(s) Originator: DEKRA  
 Master TRF: Dated 2014-03

Copyright © 2014 IEC System of Conformity Assessment Schemes for Electrotechnical Equipment and Components (IECEE System). All rights reserved.  
 This publication may be reproduced in whole or in part for non-commercial purposes as long as the IECEE is acknowledged as copyright owner and source of the material. IECEE takes no responsibility for and will not assume liability for damages resulting from the reader's interpretation of the reproduced material due to its placement and context.  
 If this Test Report Form is used by non-IECEE members, the IECEE/IEC logo and the reference to the CB Scheme procedure shall be removed.  
 This report is not valid as a CB Test Report unless signed by an approved CB Testing Laboratory and appended to a CB Test Certificate issued by an NCB in accordance with IECEE 02.  
 General disclaimer:  
 The test results presented in this report relate only to the object tested.  
 This report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of the Issuing CB Testing Laboratory. The authenticity of this Test Report and its contents can be verified by contacting the NCB responsible for this Test Report.

TYPE TEST MCB



# MCCB loại HYM1



Tiêu chuẩn: IEC60947-2  
 Dải dòng định mức: 50A ÷ 1250A  
 Điện áp định mức: 400/415/690V  
 Số pha: 2P, 3P, 4P  
 Icu: 35kA tới 80kA (tùy chọn)



MCCB 50-1250A - IEC/EN60947-2					
HYM1			Đơn giá		
Idm (A)	Icu (kA)	Mã	2P	3P	4P
50 ÷ 125	35	HYM1-125L		603,600	
160, 200, 250	35	HYM1-250L		863,000	
315, 350, 400	50	HYM1-400L		2,832,700	
500, 630	50	HYM1-630L		4,036,400	
800	75	HYM1-800M		5,076,400	
1000, 1250	80	HYM1-1250M		13,338,200	

# MCCB loại EXM3



Tiêu chuẩn: IEC60947-2  
 Dải dòng định mức: 50A ÷ 630A  
 Điện áp định mức: 400/415/690V  
 Số pha: 3P, 4P  
 Icu: 20kA tới 100kA (tùy chọn)



MCCB 50-1250A - IEC/EN60947-2					
EXM3			Đơn giá		
Idm (A)	Icu (kA)	Mã	2P	3P	4P
50 ÷ 125	20	EXM3-125C		602,200	
160, 200, 250	20	EXM3-250C		890,500	
315, 350, 400	40	EXM3-400C		3,001,100	
500, 630	40	EXM3-630C		4,015,100	



## CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG MCCB HUYU



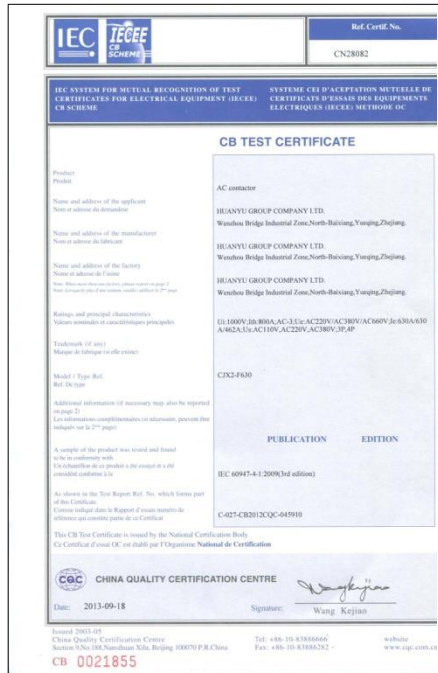
# Contactor loại CJX2



Tiêu chuẩn: IEC60947-4-1  
 Dải dòng định mức: 9A ÷ 630A  
 Điện áp cuộn coil: 85% ÷ 110% Udm  
 Điện áp cách điện: 690V/1000V  
 Số pha: 3P



AC CONTACTOR 3P 9-630A - IEC/EN60947-1						
380VAC				Số tiếp điểm phụ	Mã	Đơn giá
Công suất	I <sub>dm</sub> (A)	Size	Số lần đóng ngắt điện			
4KW	9A	1	100 x 10 <sup>4</sup>	1 NO	CJX2-09	130,000
5,5KW	12A		100 x 10 <sup>4</sup>		CJX2-12	132,000
7,5KW	18A		100 x 10 <sup>4</sup>		CJX2-18	152,000
11KW	25A	2	100 x 10 <sup>4</sup>		CJX2-25	222,000
15KW	32A		80 x 10 <sup>4</sup>	CJX2-32	280,000	
18,5KW	40A	3	80 x 10 <sup>4</sup>	1NO+1NC	CJX2-40	490,000
22KW	50A		80 x 10 <sup>4</sup>	1NO+1NC	CJX2-50	544,000
30KW	65A	4	80 x 10 <sup>4</sup>	1NO+1NC	CJX2-65	794,000
37KW	80A		60 x 10 <sup>4</sup>	1NO+1NC	CJX2-80	970,000
45KW	95A	5	60 x 10 <sup>4</sup>	1NO+1NC	CJX2-95	994,400
55KW	115A		80 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F115	2,178,900
75KW	150A	6	80 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F150	2,283,100
90KW	185A		50 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F185	2,855,800
110KW	225A	7	50 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F225	2,961,600
132KW	265A		50 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F265	4,565,500
160KW	330A	8	50 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F330	6,070,000
200KW	400A	9	30 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F400	6,137,500
250KW	500A	10	20 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F500	8,620,700
335KW	630A	11	20 x 10 <sup>4</sup>	/	CJX2-F630	11,414,000



Chứng nhận chất lượng contactor HUYU



## Relay nhiệt loại JRS1



Tiêu chuẩn: IEC60947-4/5-1  
 Dải dòng bảo vệ: 2.5 ÷ 93A  
 Sử dụng với Contactor loại CJX2.  
 Phạm vi sử dụng: xem bảng bên dưới

### RƠ LE NHIỆT - IEC60947-4/5-1

Dải dòng (A)	Lắp cùng	Mã	Đơn giá
2.5-4, 4-6, 5.5-8, 7-10, 9-13, 12-18, 17-25	CJX2-09/32	JRS1-25	150,900
23-32, 30-38	CJX2-18/32 CJX2-25/32	JRS1-36	245,500
30-40, 37-50, 48-65, 55-70	CJX2-40/95 CJX2-50/95 CJX2-65/95	JRS1-93	350,700
63-80, 80-93,	CJX2-80/95 CJX2-95		430,700 456,500

### Phụ kiện Contactor

Mô tả	Thông số	Mã	Đơn giá
Tiếp điểm phụ lắp trước	2NO+2NC	F4-22	51,000
	1NO+1NC	F4-11	25,000

## Phụ kiện tủ điện



Biến dòng MSQ, Cấp chính xác: 0.5  
 Chuyển mạch V-A 20A  
 Đồng hồ V-A lắp tủ, Class 1.5

### ĐỒNG HỒ, CHUYỂN MẠCH V-A

Mô tả	Kích thước	Mã	Đơn giá
Đồng hồ A (100/5A÷2500A/5A)	96x96	HY96-A	184,000
Đồng hồ V (500V AC)	96x96	HY96-V	184,000
Đồng hồ Hz (45÷55 Hz)	96x96	HY96-Hz	300,000
Chuyển mạch A	48x60	LW26-20-A	177,300
Chuyển mạch V	48x60	LW26-20-V	177,300

### BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG

Mô tả	Kích thước	Mã	Đơn giá
MSQ-30 (100,150,200,250,300/5A)		MSQ-30	92,000
			MSQ-40 (250,300,400/5A)
MSQ-40 (500/5A)		MSQ-40 (500/5A)	120,000
MSQ-50 (600/5A)		MSQ-50 (600/5A)	150,000
MSQ-60 (800/5A)		MSQ-60 (800/5A)	178,000
MSQ-80 (1000/5A)		MSQ-80 (1000/5A)	264,000
MSQ-100 (1200/5A)		MSQ-100 (1200/5A)	296,000
MSQ-100 (1600/5A)		MSQ-100 (1600/5A)	318,000
MSQ-100 (2000/5A)		MSQ-100 (2000/5A)	356,000
MSQ-130		MSQ-100 (2500/5A)	378,000

Model	A	B	C	D	E	F	G	H
MSQ-30(small)	60	36	67	17	60	31	10	59
MSQ-30	75	43	82	17	60	31	10	71
MSQ-40	75	43	82	17	60	31	10	71
MSQ-60	101	44	111	17	60	31	10	71
MSQ-100	145	45	139	17	60	31	10	72
MSQ-130	196	46	210	17	60	34	11	72

Unit: mm

